UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2018

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC NĂM 2018

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
I	**KINH PHÍ NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI ĐTDA KHCN**	**13,474,808**	**15,550,000**	**1,555,000**	**13,995,000**
1	Đối ứng dự án NTMN		1,050,000	105,000	945,000
2	ĐT, DA cấp tỉnh		14,500,000	1,450,000	13,050,000
II	**KP SN CẤP QUA VĂN PHÒNG SỞ**	**5,369,192**	**7,043,000**	**708,000**	**6,335,000**
1	**Kinh phí quản lý các đề tài, dự án**	**896,112**	**1,040,000**	**104,000**	**936,000**
1	Hoạt động của các hội đồng KH&CN		795,000	79,500	715,500
1.1	Họp hội đồng cấp ngành tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		40,000	4,000	36,000
1.2	Họp hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		40,000	4,000	36,000
1.3	Họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét duyệt		300,000	30,000	270,000
1.4	Chi thẩm định nội dung, tài chính		85,000	8,500	76,500
1.5	Họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu chính thức		300,000	30,000	270,000
2	Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nghiệm thu giai đoạn)		120,000	12,000	108,000
3	Tổ chức hội thảo, hội nghị		65,000	6,500	58,500
3.1	Hội nghị triển khai nhiệm vụ		45,000	4,500	40,500
3.2	Hội nghị, hội thảo mô hình		50,000	5,000	45,000
4	Phụ cấp cho các thành viên HĐ KHCN tỉnh (21 người)		30,000	3,000	27,000
5	Thông báo tuyển chọn trên Báo HT, Đài PTTH tỉnh		30,000	3,000	27,000
2	**Thanh tra KHCN**	**342,000**	**380,000**	**38,000**	**342,000**
1	Thanh tra , kiểm tra chuyên ngành		345,000	34500	310,500
1.1	Thanh tra hành chính, việc chấp hành Luật KHCN		25,000	2500	22,500
1.2	Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường chất lượng, nhãn hàng hóa, sở hữu công nghiệp trong KD xăng dầu (10 cơ sở)		20,000	2000	18,000
1.3	Thanh tra về ĐL đối với một số PTĐ nhóm 2 (30 cơ sở)		30,000	3000	27,000
1.4	Thanh tra chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ KH&CN		50,000	5000	45,000
1.5	Thanh tra TCĐLCL, nhãn hàng hóa trong kinh doanh vàng (70 cơ sở)		40,000	4000	36,000

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
1.6	Thanh tra đột xuất trong kinh doanh xăng dầu		20,000	2000	18,000
1.7	Thử nghiệm mẫu		100,000	10000	90,000
1.8	Công tác kiểm tra theo chỉ đạo phối hợp Chi cục		20,000	2000	18,000
1.9	Thanh tra TCĐLCL nhãn hàng, mã số mã vạch đối với mỹ phẩm, thực phẩm đóng gói sẵn		40,000	4000	36,000
2	Công tác phổ biến giáo dục pháp luật và ngày pháp luật VN		35,000	3500	31,500
3	**Thông tin, thống kê KHCN**	**607,253**	**693,200**	**69,320**	**623,880**
1	Xuất bản Tập san		140,000	14,000	126,000
2	Bản tin KH&CN với NNNT		140,400	14,040	126,360
3	Cổng thông tin điện tử		76,800	7,680	69,120
4	Chuyên đề truyền hình, báo Hà Tĩnh		90,000	9,000	81,000
5	Thống kê KH&CN		20,000	2,000	18,000
6	Sách báo, tạp chí, sổ tay		30,000	3,000	27,000
7	Cơ sở dữ liệu		10,000	1,000	9,000
8	Tập huấn đưa thông tin KH&CN về cơ sở		80,000	8,000	72,000
	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ, thư viện		40,000	4,000	36,000
9	Thuê máy chủ		36,000	3,600	32,400
10	Tổ chức tuyên truyền các sự kiện của ngành		30,000	3,000	27,000
4	**Tham mưu tư vấn**	**316,669**	**413,200**	**41,320**	**371,880**
1	Tham mưu các đề án, chính sách, VB về QLKHCN		30,000	3,000	27,000
2	Tham mưu Hội thảo, Hội nghị sơ kết đánh giá hoạt động KHCN		150,000	15,000	135,000
3	Tham mưu xây dựng Kế hoạch KH&CN tỉnh Hà Tĩnh 2018		40,000	4,000	36,000
4	Khảo sát đánh giá các đề án chính sách về KH&CN		63,200	6,320	56,880
5	Hội nghị Tổng kết ngành năm 2018		50,000	5,000	45,000
6	Tổ chức làm việc với một số ngành, cấp huyện, Doanh nghiệp		80,000	8,000	72,000
5	**Hợp tác KHCN**	212,058	**500,000**	**50,000**	**450,000**
1	Tổ chức đoàn công tác theo giấy mời thỏa thuận Hợp tác đã ký kết		150,000	15,000	135,000
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo hợp tác QT về KHCN		20,000	2,000	18,000
3	Tham quan học tập kinh nghiệm Hội nghị, hội thảo KHCN, liên kết hợp tác KHCN		200,000	20,000	180,000
4	Hợp tác nghiên cứu KH&CN với 2 tỉnh của Lào		160,000	16,000	144,000
6	**Quản lý công nghệ**	221,750	**315,000**	**31,500**	**283,500**

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
I	Tổ chức Hội nghị hội thảo tuyên truyền, phổ biến và giới thiệu các văn bản chính sách KH&CN, công nghệ phù hợp với địa phương (03 cuộc cuộc/năm; mỗi cuộc 130 người)		50,000	5,000	45,000
4	Tổ chức, tham gia các Chợ Công nghệ và Thiết bị; Hnạt động trình diễn kết nối cung cầu công nghệ, giới thiệu sản phẩm KH&CN; Hoạt động trình diễn kết nối khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		100,000	10,000	90,000
5	Tổ chức triển khai các hoạt động xây dựng và phát triển thị trường KH&CN, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu công nghệ thiết hị trên địa bàn tỉnh		50,000	5,000	45,000
	Kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước về quản lý công nghệ, thẩm định đánh giá công nghệ trên địa hàn tỉnh		15,000	1,500	13,500
	Tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới		100,000	10,000	90,000
7	**Sở Hữu trí tuệ**	**163,971**	**110,000**	**11,000**	**99,000**
1	Tổ chức Hội thảo, tập huấn về SHTT cho doanh nghiệp, Hội, HTX, công chúng trên địa bàn tỉnh		60,000	6,000	54,000
3	Tổ chức các hoạt đ ộng kỷ niệm ngày SHTT th ế giới, Ngày Doanh nhân và Ngày KHCN Việt Nam		40,000	4,000	36,000
4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về SHTT trên địa bàn tỉnh		10,000	1,000	9,000
5	Biên soạn, in ấn Cẩm nang về Sở hữu công nghiệp (Bao gồm phí xin giấy phép xuất hàn tài liệu không kinh doanh)		45,000	4,500	40,500
6	Triển khai các hoạt động hỗ trợ sáng kiến và phát triển tài sản trí tuệ trên địa hàn tỉnh		30,000	3,000	27,000
8	**An toàn bức xạ hạt nhân**	**100,570**	**90,000**	**9,000**	**81,000**

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
1	Tổ chức Hội thảo, tập huấn về ATBX cho lãnh đạo, nhân viên bức xạ tại các cơ sở y tế có sử dụng thiết bị bức xạ và các doanh nghiệp sử dụng các thiết bị chứa nguồn phóng xạ trong công nghiệp		35,000	3,500	31,500
2	Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATBX trên địa bàn tỉnh		25,000	2,500	22,500
3	Tổ chức các hoạt động triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của tỉnh		30,000	3,000	27,000
9	**Đào tạo, tập huấn**	**650,781**	**700,000**	**70,000**	**630,000**
1	Đào tạo tập huấn nghiệp vụ về QL Khoa học		96,000	9,600	86,400
2	Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ Thanh tra		45,000	4,500	40,500
3	Đào tạo tập huấn, Hội nghị về thông tin thống kê KH&CN		79,000	7,900	71,100
4	Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ KH-TC		90,000	9,000	81,000
5	Đào tạo, tập huấn KH&CN cấp huyện		75,000	7,500	67,500
6	Đào tạo, tập huấn, Hội nghị về QL Công nghệ		35,000	3,500	31,500
7	Đào tạo, tập huấn, Hội nghị về an toàn bức xạ		30,000	3,000	27,000
8	Đào tạo, tập huấn, Hội nghị về Sở hữu trí tuệ		35,000	3,500	31,500
9	Đào tạo quản lý ISO		65,000	6,500	58,500
	Đào tạo tập huấn về thông tin thống kê KHCN		50,000	5,000	45,000
10	Hội thảo hội nghị toàn quốc của Lãnh đạo		100,000	10,000	90,000
10	Mua sắm, sữa chữa	**1,047,331**	**600,000**	**60,000**	**540,000**
1	Trang thiết bị phục vụ chuyên môn		200,000	20,000	180,000
2	Kinh phí mua máy chủ		100,000	10,000	90,000
3	Sữa chữa thường xuyên TSCĐ		300,000	30,000	270,000
11	**Khen thưởng**	**60,949**	**80,000**	**8,000**	**72,000**
1	Khen thưởng thường xuyên		80,000	8,000	72,000
12	**Hỗ trợ hoạt động KHCN cấp cơ sở**	**490,200**	**906,000**	**90,600**	**815,400**
1	Thành phố Hà Tĩnh		34,000	4,000	30,000
2	Huyện Thạch Hà		28,000	3,000	25,000
3	Huyện Cẩm Xuyên		28,000	3,000	25,000
4	Huyện Kỳ Anh		28,000	3,000	25,000
5	Thị xã Kỳ Anh		28,000	3,000	25,000
6	Huyện Lộc Hà		28,000	3,000	25,000
7	Huyện Can Lộc		28,000	3,000	25,000

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
8	Huyện Đức Thọ		28,000	3,000	25,000
9	Thị xã Hồng Lĩnh		28,000	3,000	25,000
10	Huyện Nghi Xuân		28,000	3,000	25,000
11	Huyện Hương Sơn		28,000	3,000	25,000
12	Huyện Hương Khê		28,000	3,000	25,000
13	Huyện Vũ Quang		28,000	3,000	25,000
14	Bộ chỉ huy QS tỉnh		18,000	3,000	15,000
15	Công an tỉnh		18,000	3,000	15,000
18	Hỗ trợ Các tổ chức HĐ KH&CN		500,000	50,000	450,000
13	**Hỗ trợ các Hội thi, cuộc thi sáng tạo KT và các Hội thi sáng tạo**	**350,000**	**350,000**	**35,000**	**315,000**
14	**Kinh phí thực hiệa nhiệm vụ đột xuất**		**865,600**	**90,260**	**775,340**
III	**CHI CỤC TC - ĐL - CL**	**576,000**	**640,000**	**64,000**	**576,000**
1	Quản lý tiêu chuẩn		140,000	14,000	126,000
2	Quản lý chất lượng		100,000	10,000	90,000
3	Quản lý đo lường		130,000	13,000	117,000
4	Hoạt động TBT, thông tin		90,000	9,000	81,000
7	Hội nghị tập huấn triển khai các VB QPPL về TĐC		50,000	5,000	45,000
8	Bổ sung, cập nhật dữ liệu phần mềm quản lý		10,000	1,000	9,000
11	Thực hiện xây dựng điểm tự quản về TĐC tại các chợ (đào tạo, hỗ trợ trang thiết bị điểm cân đối chứng, tuyên truyền)		20,000	2,000	18,000
12	Triển khai nhiệm vụ Dự án NSCL (hỗ trợ, tập huấn…cho DN)		30,000	3,000	27,000
13	Tăng cường các hoạt động kiểm tra đo lường chất lượng		70,000	7,000	63,000
IV	**TRUNG TÂM PT NẤM ĂN VÀ NẤM DL**	**814,000**	**840,000**	**50,000**	**790,000**
1	Lương và phụ cấp		275,000		275,000
2	Bảo hiểm xã hội, YT,KPCD, TN		65,000		65,000
3	Chi thường xuyên theo BC		150,000	15,000	135,000
4	Thực hiện nhiệm vụ sở giao, đào tạo tập huấn nâng cao nhận thức cho dân, mở rộng thị trường		350,000	35,000	315,000
V	**CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO THÔNG TƯ 90/2017/BTC**	**2,250,000**	**2,500,000**	**250,000**	**2,250,000**
1	Giữ và duy trì bảo quản chuẩn đo lường, thực hiện liên kết chuẩn quốc gia, giám định đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa		360,000	36,000	324,000
2	Thực hiện kiểm định PTĐ bắt buộc phải kiểm định trên địa bàn		600,000	60,000	540,000

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
3	Thử nghiệm trồng gừng trong bao đất tại xã Thạch Hạ (chuyển tiếp)		600,000	60,000	540,000
4	Thử nghiệm mô hình trồng các loại hoa (hướng dương, hoa hồng cổ…) cải tạo đất tại vườn Thạch Hạ		440,000	44,000	396,000
5	Tiếp nhận, hoàn thiện công nghệ sản xuất thử nghiệm 1 số sản phẩm trà thảo dược theo hướng sx dược liệu sạch		500,000	50,000	450,000
VI	**ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KH&CN; ĐỀ ÁN SHTT**		**10,000,000**	**1,000,000**	**9,000,000**
VII	**QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN**	**3,000,000**	**3,000,000**	**300,000**	**2,700,000**
TỔNG CỘNG		**25,484,000**	**39,573,000**	**3,927,000**	**35,646,000**

GIÁM ĐỐC

Đỗ Khoa Văn